

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào vụ án Dân sự thụ lý số: 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

- Bị đơn: Anh Trần Đức H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Trần Đức H thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Đức H có 02 con chung gồm: Trần Đức H, sinh ngày 15/9/2006 và Trần Cẩm N, sinh ngày 19/10/2011.

Nguyện vọng của cháu Trần Đức H và cháu Trần Cẩm N đều mong muốn được sống cùng chị N.

Giao cả 02 cháu Trần Đức H và cháu Trần Cẩm N cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi cháu H và cháu N đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H mức 5.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mức 3.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, chị N và anh H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Trần Đức H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí thuận tình ly hôn là: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí về ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006859 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lại Hùng Hưng